TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2019/DS-ST.
Ngày: 08-10-2019.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Cường, ông Đỗ Xuân Tốn

- ***Thư ký phiên tòa***: ông Trần Kim Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa: ông Phạm Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 90/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số16/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

**/ Nguyên đơn:* Ngân hàng N; Địa chỉ: Số 02 LH, phường C, quận B, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: ông Trịnh Ngọc K, Chủ tịch hội đồng thành viên Agribank.

- Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Hải Đ – Giám đốc phòng giao dịch ĐL Agribank chi nhánh tỉnh Đắk Nông. (Theo văn bản ủy quyền số 2089/NHNoĐNo-KTKSNB ngày 03/5/2019 của giám đốc Ngân hàng N chi nhánh tỉnh Đắk Nông). (Có mặt)

**/ Bị đơn:* bà Tống Thị T, sinh năm 1969; Địa chỉ: tổ dân phố 12, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 5 năm 2019 và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Trần Hải Đ trình bày: Vào ngày 12/02/2015, Ngân hàng N - Chi nhánh Đắk Nông - Phòng giao dịch ĐL với bà Tống Thị T có ký hợp Hợp đồng tín dụng số: 5301-LAV-2015000252 với nội dung bà T vay ngân hàng số tiền 250.000.000 đồng; giải ngân ngày 12/02/2015, thời hạn vay: 12 tháng, mục đích sử dụng: tiêu dùng gia đình, sữa chữa nhà ở, lãi suất trong hạn: 10,5%/01 năm,

Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn.

Về tài sản đảm bảo: Ngân hàng N - Chi nhánh Đắk Nông - Phòng giao dịch ĐL và bà T đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số 923/HĐTC ngày 10/02/2015 thỏa thuận sử dụng các tài sản gồm: Thửa đất số 563, tờ bản đồ số 27, diện tích 206m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 493557 do Uỷ ban nhân dân huyện M cấp ngày 19/7/2012 đất tọa lạc tại xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 34, diện tích 9767m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 500912 do Uỷ ban nhân dân huyện M cấp ngày 23/4/2012 đất tọa lạc tại xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông cùng các tài sản là công trình xây dựng, vật phụ, hoa lợi, lợi tức và các quyền phát sinh từ tài sản, để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng cho vay số 5301-LAV-2015000252 ngày 12/02/2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng vào ngày 19/8/2015 bà T chỉ trả số tiền lãi là 4.958.333 đồng. Khi đến hạn thanh toán tiền gốc bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 11/02/2016 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. Nay Ngân hàng N - Chi nhánh Đắk Nông - Phòng giao dịch ĐL đề nghị Tòa án buộc bà T phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn và các khoản phát sinh liên quan theo hợp đồng cho vay trên; tính đến ngày xét xử ngày 08/10/2019 là: 415.271.119 đồng, trong đó: Nợ gốc là 250,000,000 đồng; lãi trong hạn tính từ ngày 12/2/2015 đến ngày 10/02/2016 là 26.106.164 đồng đã trả được 4.958.333 đồng còn nợ lại 21.147.831 đồng; lãi quá hạn tính từ ngày 10/2/2016 đến ngày 08/10/2019 là 144.123.288 đồng và yêu cầu bà T phải tiếp tục chịu lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp bị đơn không thực hiện đúng việc trả nợ thì yêu cầu Tòa án phát mãi các tài sản của bà T để thu hồi nợ.

2. Bị đơn bà Tống Thị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hoặc có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người được ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải thanh toán nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, bị đơn phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận cho đến khi trả xong toàn bộ nợ, trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 318, 319, 322, 323, 342, 351, 355, 471, 474, 478, 715, 716, 720, 721 của Bộ luật dân sự năm 2005; điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi xuất, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N, buộc bị đơn bà Tống Thị T phải trả 250.000.000 đồng nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký theo quy định của pháp luật cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp bà Tống Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Đắk Nông có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng 923/HĐTC, ngày 10/02/2015 để thu hồi nợ. Về án phí và chi phí tố tụng buộc bị đơn bà Tống Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn (bà Tống Thị T) có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 12, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đăk Nông thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Theo kết quả xác minh tại Công an thị trấn Đăk Mil, huyện Đắk Mil thì bà Tống Thị T đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2017 cho đến nay không thông báo chính quyền địa phương và nguyên đơn được coi là trường hợp cố tình giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành niêm yết các thông báo, văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn không có thông tin gì. Việc bà Tống Thị T không đến Tòa án làm việc; không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, để tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về hợp đồng tín dụng: Bà Tống Thị T vay vốn tại Ngân hàng N - Chi nhánh Đắk Nông - Phòng giao dịch ĐL, địa chỉ tại số 91 Nguyễn Tất Thành, tổ dân phố 04, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông theo Hợp đồng cho vay số 5301-LAV-2015000252 ngày 12/02/2015 cụ thể: Số tiền vay: 250.000.000 đồng; ngày giải ngân là ngày 12/02/2015; Thời hạn vay: 12 tháng từ ngày kế tiếp của ngày giải ngân đầu tiên; Mục đích sử dụng: Tiêu dùng gia đình, sữa chữa nhà ở; Lãi

suất trong hạn: 10,5%/1 năm, Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn. Như vậy, việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng vào ngày 19/8/2015 bà T đã trả số tiền lãi là 4.958.333 đồng cho ngân hàng, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng kể từ ngày 11/02/2016. Do đó việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T phải thanh toán toàn bộ số nợ là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số nợ gốc là: 250.000.000 đồng *(Hai trăm năm mươi triệu đồng)*.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất, Hội đồng xét xử xét thấy: Nội dung thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn giữa Ngân hàng và bà T theo hợp đồng tín dụng, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ là phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với các quy định tại Điều 305 và Điều 476 của Bộ Luật dân sự năm 2005, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn tính đến ngày xét xử ngày 08/10/2019, cụ thể: Lãi trong hạn là: 21.147.831 đồng; lãi quá hạn: 144.123.288 đồng. Bà T phải tiếp tục phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ kể từ ngày 09/10/2019 cho đến khi trả xong nợ.

- Đối với tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho các khoản vay, Ngân hàng N - Chi nhánh Đắk Nông - Phòng giao dịch ĐL và bà Tống Thị T đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 923/HĐTC ngày 10/02/2015 thỏa thuận sử dụng các tài sản gồm: Thửa đất số 563, tờ bản đồ số 27, diện tích 206m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 493557 do Uỷ ban nhân dân huyện M cấp ngày 19/7/2012 đất tọa lạc tại xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 34, diện tích 9767m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 500912 do Uỷ ban nhân dân huyện M cấp ngày 23/4/2012 đất tọa lạc tại xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông (02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đều mang tên bà Tống Thị T) cùng các tài sản là công trình xây dựng, vật phụ, hoa lợi, lợi tức và các quyền phát sinh từ tài sản, để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng cho vay số 5301-LAV-2015000252 ngày 12/02/2015. Xét thấy, Hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng và bà Tống Thị T đã thể hiện ý chí của các bên, đảm bảo về hình thức, nội dung và có đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

- Về xử lý tài sản thế chấp: Tại Điều 4 của các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, các bên thỏa thuận về các trường hợp Ngân hàng N - Chi nhánh Đắk Nông - Phòng giao dịch ĐL được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong đó xác định rõ "*…khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ"*

Như vậy, nếu bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ thì Ngân hàng có quyền

yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo theo nội dung các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng ủy quyền, các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, các văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chị toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về chi phí cho việc xem xét, thẩm định tài sản là: 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng). Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng có căn cứ nên bà Tống Thị T phải chịu trách nhiệm về số tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tài sản.

[5] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39;Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 318, 319, 322, 323, 342, 351, 355, 471, 474, 478, 715, 716, 720, 721 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 3, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N đối với bị đơn bà Tống Thị T.

1. Buộc bà Tống Thị T phải trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh Đắk Nông - Phòng giao dịch ĐL tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/10/2019) là 415.271.119đ *(Bốn trăm mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi mốt nghìn một trăm mười chín đồng)* Trong đó: Nợ gốc 250.000.000đ *(Hai trăm năm mươi triệu đồng)*; Nợ lãi trong hạn 21.147.831đ *(Hai mươi mốt triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi mốt đồng)*; Nợ lãi quá hạn 144.123.288đ *(Một trăm bốn mươi tư triệu một trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám mươi tám đồng)*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/10/2019) bà Tống Thị T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi trả xong nợ.

2. Trường hợp bà Tống Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp gồm:

- Thửa đất số 563, tờ bản đồ số 27 có diện tích 206m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 493557 do Uỷ ban nhân dân huyện M cấp ngày 19/7/2012 mang tên Tống Thị T đất tọa lạc tại xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông

- Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 34, diện tích 9767m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 500912 do Uỷ ban nhân dân huyện M cấp ngày 23/4/2012 mang tên Tống Thị T; đất tọa lạc tại xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông

3. Về án phí: Bà Tống Thị T phải nộp: 20.611.000đ *(Hai mươi triệu sáu trăm mười một nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh Đắk Nông - Phòng giao dịch ĐL số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.933.000 đồng *(Chín triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng)* theo biên lai số 0003546 ngày 23/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

4. Về chi phí cho việc xem xét, thẩm định tài sản: căn cứ Điều 157, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự: Buộc bà Tống Thị T phải trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh Đắk Nông - Phòng giao dịch ĐL số tiền 1.600.000đ *(Một triệu sáu trăm nghìn đồng)* đã nộp trong quá trình giải quyết tại Tòa án.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh ĐắkNông;
-VKS ND huyện ĐắkMil;
-Chi cục THA DS huyện M;
-Các đương sự;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh